ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60 /2026/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 12 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030

Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030 tại phụ lục kèm theo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành phụ trách tiêu chí, nội dung tiêu chí

a) Căn cứ vào hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương, ban hành hướng dẫn đánh giá chi tiết và hồ sơ minh chứng cụ thể các tiêu chí, nội dung tiêu chí đối với từng nhóm xã, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Thẩm định, đánh giá các tiêu chí, nội dung tiêu chí được giao phụ trách, thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn đánh giá các tiêu chí, nội dung tiêu chí, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030 cho phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Ủy ban nhân dân các xã

a) Căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030 và hướng dẫn của các sở, ban, ngành liên quan chủ động rà soát, đánh giá mức độ đạt nông thôn mới đối với các tiêu chí, nội dung tiêu chí trên địa bàn xã. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Bộ tiêu chí trên địa bàn.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hằng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CV NCTH, TTTT-HN;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thạch

Phụ lục

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 60 / 2026 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 10năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt[1],được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã	Có quy hoạch chung xã	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường	Đạt	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch	- Bảo đảm kết nối giao thông tuân thủ quy định; - Có 100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy	Sở Xây dựng

[1] Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa		hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa; - Có 100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13592:2022 Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có 100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực	được duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 90% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì.	hoạch được duyệt; - Có 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế; - Có tối thiểu 50% km chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường; - Có tối thiểu 60% km chiều dài đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa); - Có 100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				hiện công tác bảo trì hàng năm.		trì hàng năm.	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥90%; - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥80%; - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm; - Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥ 98%	≥ 99%	≥ 99%	≥ 98%	Sở Công Thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung	Có chợ phù hợp với quy hoạch	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	- 100% các thôn, xóm trên địa bàn xã có khả năng tiếp cận, sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất. - Dịch vụ viễn thông, Internet hiện có trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.			Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	≥ 12%	≥ 11%	≥ 9,5%	Thống kê tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		phẩm					
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	Có ≥ 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ≥ 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ≥ 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện thực tế của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030; - Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên; - Tỷ lệ chủ thể là các Hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.		- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030; - Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn; - Tỷ lệ chủ thể là các HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
						có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đánh giá.	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).		- 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP; - Có sự tăng trưởng về quy mô	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
						lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).	
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	Không quy định	≥ 01	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tài chính
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01	≥01	≥01	≥01	Sở Tài chính (chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) phụ trách khu công nghiệp, Sở Công Thương phụ trách cụm công

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
							nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách làng nghề và khu vực sản xuất dịch vụ
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥27%	≥40%	≥35%	≥27%	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	60%	50%	40%	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt các yêu cầu: (1) Về cơ sở vật chất văn hóa; (2) Về hoạt động văn hóa cơ sở; (3) Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; (4) Về di sản văn hóa; (5) Về chuyển đổi số, dữ liệu số; (6) Về nhân lực quản lý văn hóa.			Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	- Tỉ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia: 90%; - Đạt chuẩn phổ	- Tỉ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia: 80%; - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm	- Tỉ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia: 70%; - Đạt chuẩn phổ	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi: Đạt; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở: Đạt; - Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương: 90%; - Tỉ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác: 90%; - Có trung tâm học tập cộng	non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi: Đạt; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở: Đạt; - Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương: 85%; - Tỉ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác: 85%; - Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm	cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi: Đạt; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở: Đạt; - Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương: 80%; - Tỉ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác: 80%; - Có trung tâm học tập cộng	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số: Đạt; - Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.	học tập số: Đạt; - Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.	đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số: Đạt; - Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2.	
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤ 2%	≤ 2%	≤ 5%	≤ 13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥ 75%	≥ 95%	≥ 85%	≥ 75%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥80% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥70% (trong đó phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥40% (bao gồm tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước hộ	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	gia đình và công trình cấp nước tập trung (nếu có))	
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an[2]"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	- Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức, viên chức cấp xã (văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: quyết định/thông báo/văn bản phân công nhiệm vụ…); - Có bố trí kinh phí hằng năm cho việc thực hiện công tác trẻ em (ngân sách, vận động); - Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã (có quyết định thành lập, quy chế làm việc của Ban Bảo vệ, chăm sóc trẻ em/Ban điều hành công tác trẻ em…) và thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định; - 100% trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định (hồ sơ hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em bị xâm hại); - Có đường dây nóng thường trực để tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em hoạt động 24/7 (số điện thoại để tiếp nhận thông tin, thông báo và			Sở Y tế

[2] 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				quyết định/thông báo/văn bản phân công nhiệm vụ); - 100% học sinh trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn được hướng dẫn, giáo dục kiến thức, kỹ năng sống và kỹ năng tự bảo vệ trước các hành vi xâm hại với nội dung phù hợp với lứa tuổi; - 100% gia đình có trẻ em được cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em bằng các hình thức khác nhau; - Có hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia tổ chức phối hợp liên ngành, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em; - Thực hiện công tác quản lý các cơ sở bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trên địa bàn (thống kê số liệu, thông tin, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện quy định của pháp luật về trẻ em và xử lý vi phạm theo thẩm quyền); - Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trên địa bàn: Xã nhóm 1 đạt tỷ lệ ≥98%; Xã nhóm 2 đạt tỷ lệ ≥95%; Xã nhóm 3 đạt tỷ lệ ≥90%.			
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.			Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Y tế phụ trách theo lĩnh vực quản lý nhà nước
7	Khoa học	7.1. Điểm bưu chính phục	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	công nghệ và Chuyển đổi số	vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn					Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ ≥95%; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ ≥85%; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%; hoàn thành số hóa tài	- Hồ sơ công việc về nông nghiệp và môi trường của xã (tại xã) được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc đạt tỷ lệ ≥70%; - Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100%;	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥95%; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥95%.	liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥85%; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥85%.	hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; - Tỷ lệ thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường của xã đạt 100%; - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥70%; - Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa về nông nghiệp và môi trường của xã đạt ≥70%	
		7.3. Triển khai hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		hoạt động thương mại điện tử					Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	≥01 mô hình	≥01 mô hình	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	- Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn xã được phân loại, thu gom, xử lý: Xã nhóm 1 đạt từ 84% trở lên; Xã nhóm 2 đạt từ 82% trở lên; Xã nhóm 3 đạt từ 80% trở lên; - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp, công đoạn xử lý chất thải khác (bao gồm cả sơ chế, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn xã.			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ[3], làng	100%	100%	100%	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường

[3] Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường					
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường; - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%; - Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường; - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%.	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường; - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt ≥50%.	Sở Xây dựng

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.			
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
10	Tiếp cận pháp luật và An	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách hướng dẫn, đánh giá, thẩm định
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	ninh, Quốc phòng	bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động					
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh